

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **53** /2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **13** tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng
đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền
ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 7594
	Ngày: 16/9

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày 23 tháng 8 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

2. Xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam là xe ô tô, xe hai bánh gắn máy (dưới đây gọi tắt là xe gắn máy) phục vụ nhu cầu công tác, sinh hoạt của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có

trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ và thành viên các cơ quan này được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập theo quy định tại Điều 8, 9 và 10 Nghị định số 73/CP ngày 30 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ.

2. Viên chức ngoại giao thuộc cơ quan đại diện ngoại giao, viên chức lãnh sự thuộc cơ quan lãnh sự, viên chức thuộc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

3. Nhân viên hành chính kỹ thuật thuộc cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ trên nguyên tắc có đi có lại giữa nhà nước Việt Nam và nước cử; nhân viên thuộc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

4. Tổ chức, cá nhân mua xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này (dưới đây gọi tắt là người mua xe).

5. Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Điều 10 Quyết định này.

Điều 3. Chung loại, định lượng đối với xe ô tô, xe gắn máy được tạm nhập khẩu miễn thuế

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy đúng chủng loại, định lượng quy định tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Khi có nhu cầu hợp lý, đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được Bộ Ngoại giao xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy vượt định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều kiện đối với đối tượng được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy

1. Đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy theo chủng loại, định lượng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này sau khi được Bộ Ngoại giao cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế.

2. Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

a) Đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế 01 xe ô tô (riêng người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao

được tạm nhập khẩu miễn thuế 02 xe ô tô), 01 xe gắn máy theo chủng loại, định lượng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này nếu thỏa mãn điều kiện có thời gian công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tối thiểu từ 18 (mười tám) tháng trở lên kể từ ngày đối tượng được Bộ Ngoại giao cấp chứng minh thư và còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 12 (mười hai) tháng trở lên (thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp).

b) Đối tượng nêu tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế 01 xe ô tô, 01 xe gắn máy theo chủng loại, định lượng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này nếu thỏa mãn điều kiện có thời gian công tác tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế có trụ sở tại Việt Nam được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tối thiểu từ 12 (mười hai) tháng trở lên kể từ ngày đối tượng được Bộ Ngoại giao cấp chứng minh thư và còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 09 (chín) tháng trở lên (thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp).

3. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy để bổ sung đủ định lượng trong các trường hợp sau:

a) Đối tượng nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy.

b) Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này sau khi hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy đối với xe ô tô, xe gắn máy bị tai nạn, thiên tai hoặc do nguyên nhân khách quan về kỹ thuật không tiếp tục sử dụng được và còn thời gian công tác tại Việt Nam tối thiểu từ 09 (chín) tháng trở lên kể từ ngày hoàn thành thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy xe (thời gian công tác tại Việt Nam ghi trên chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp).

4. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này được tạm nhập khẩu xe ô tô đang sử dụng là tài sản di chuyển theo chủng loại, định lượng quy định và phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy xác nhận việc di chuyển tài sản hoặc thuyền chuyển nơi công tác từ nước khác đến Việt Nam.

b) Có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe.

c) Có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu theo quy định.

d) Tay lái nằm ở bên trái (tay lái thuận).

5. Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này nếu tạm nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng phải tuân thủ quy định về nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan. Không được tạm nhập khẩu xe gắn máy đã qua sử dụng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này

1. Quyền của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

a) Được tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy theo đúng chủng loại, định lượng quy định và tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy theo quy định.

b) Được cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế; được làm thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy; được cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe ô tô, xe gắn máy; được làm thủ tục đăng kiểm xe ô tô.

2. Nghĩa vụ của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này:

a) Đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này có nghĩa vụ sử dụng xe ô tô, xe gắn máy đúng mục đích và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam; không được ủy quyền sử dụng xe mang biển số ngoại giao, nước ngoài cho các đối tượng không được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; việc hợp đồng thuê lái xe người Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ Ngoại giao.

b) Đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này trước khi kết thúc nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tái xuất khẩu hoặc tiêu hủy hoặc chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy đã tạm nhập khẩu miễn thuế theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Thủ tục cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy; thủ tục tạm nhập khẩu miễn thuế xe ô tô, xe gắn máy; thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe; thủ tục đăng kiểm xe ô tô; thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; thủ tục tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy.

1. Việc tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy thực hiện theo trình tự sau:

a) Cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế và chứng minh thư cho đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thực hiện tạm nhập khẩu cùng thời điểm với thực hiện kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số xe ô tô, xe gắn máy cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

d) Đăng kiểm xe và cấp số đăng kiểm xe cho các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

2. Việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy thực hiện theo trình tự sau:

a) Xác nhận việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Thu hồi biển số xe, giấy chứng nhận đăng ký xe của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này;

c) Thực hiện tái xuất khẩu, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này;

d) Thực hiện tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

3. Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật, thông lệ quốc tế và trên nguyên tắc có đi có lại giữa Nhà nước Việt Nam và các nước:

a) Bộ Ngoại giao hướng dẫn cụ thể thủ tục cấp sổ định mức xe ô tô, xe gắn máy miễn thuế và chứng minh thư cho đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam và xác nhận việc tái xuất khẩu, chuyển nhượng, tiêu hủy xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

b) Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này; quy định thời hạn tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu phù hợp với nhiệm kỳ công tác của đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

c) Bộ Công an hướng dẫn cụ thể thủ tục cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng nêu tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quyết định này; trên giấy chứng nhận đăng ký xe khi cấp có quy định thời hạn giá trị sử dụng của đăng ký xe phù hợp với nhiệm kỳ công tác của các đối tượng nêu tại Khoản 2 và 3 Điều 2 Quyết định này.

d) Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể thủ tục kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; thủ tục đăng kiểm